



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng

Ngày 31/12/2025	10,800 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	-	-

DT thuần Q4/25
8.08
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.85 11.7%
YoY: ▼ 0.82 -9.2%

LN thuần Q4/25
0.10
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 0.37 -78.8%
YoY: ▲ 0.81 114%

LN sau thuế Q4/25
-0.20
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 0.49 -171%
YoY: ▼ 0.81 -134%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
2.8%
YoY: +/- ▲ 1.3%

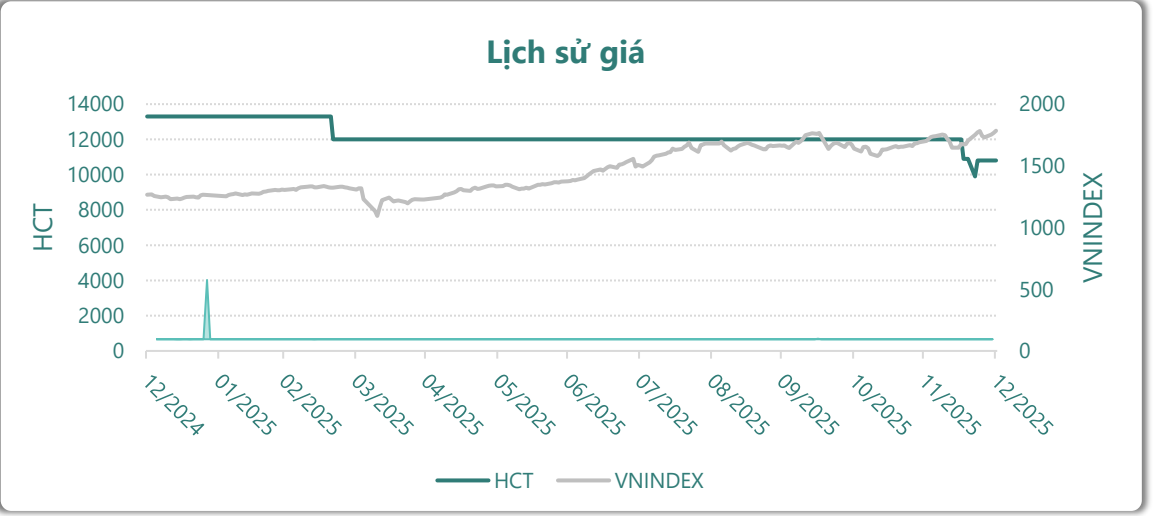
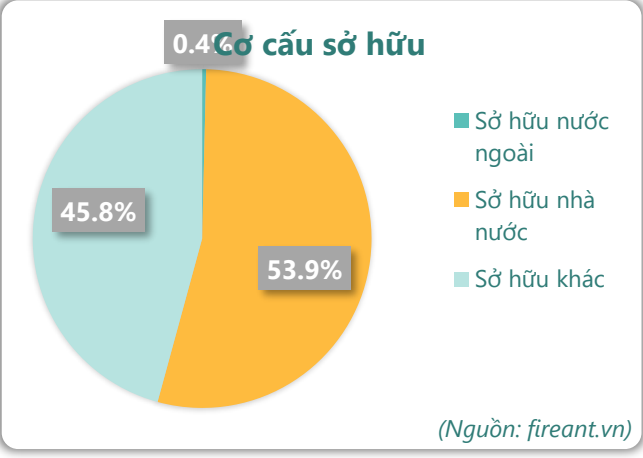
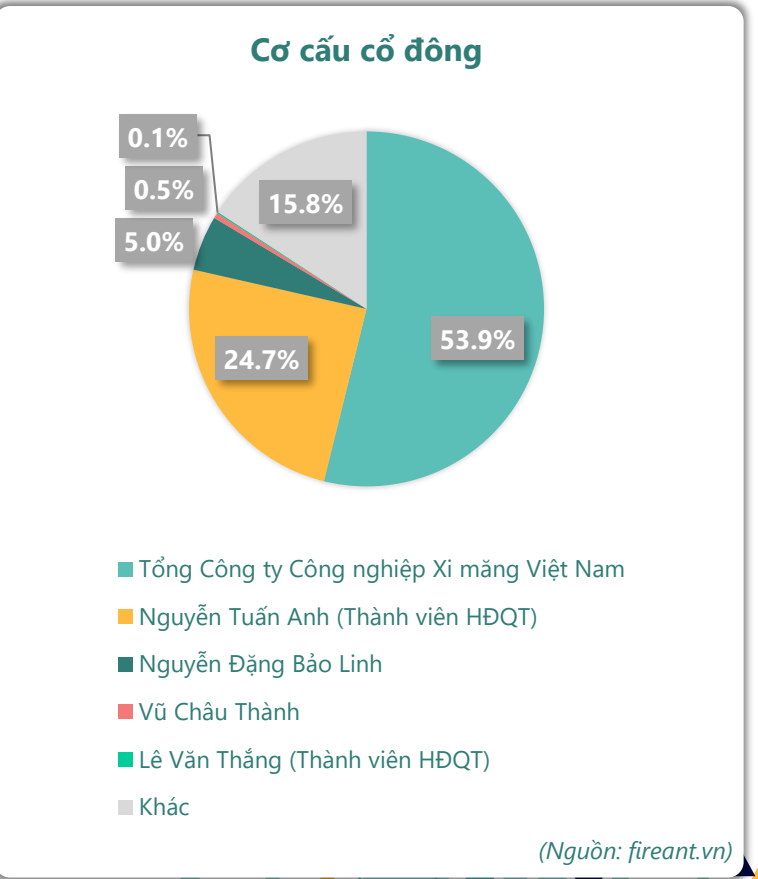
ROE 2025
1.0%
YoY: +/- ▲ 0.4%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	9,900 - 13,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	22
Số lượng CPLH (CP)	2,016,385
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,015
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	(0.05)
EPS	184
P/E	58.7

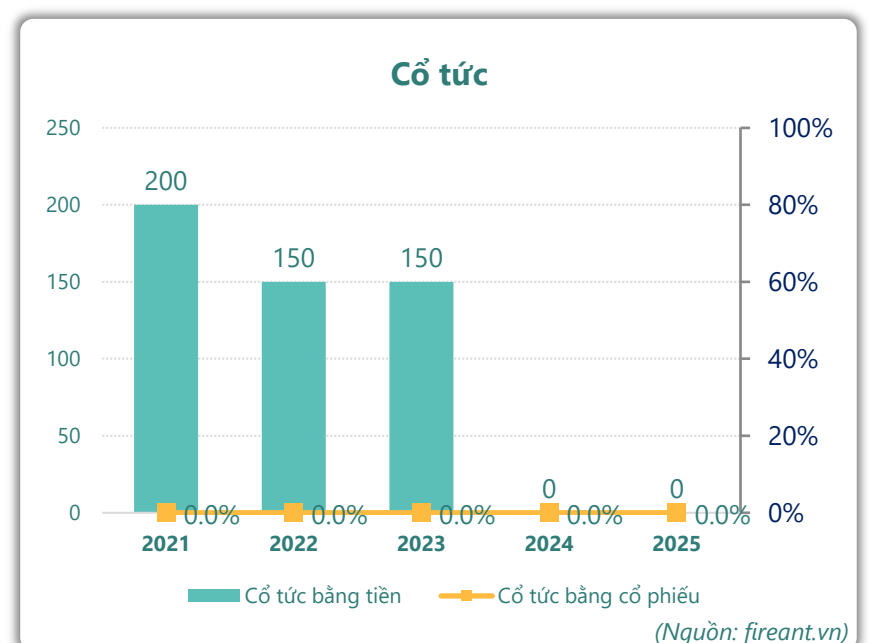
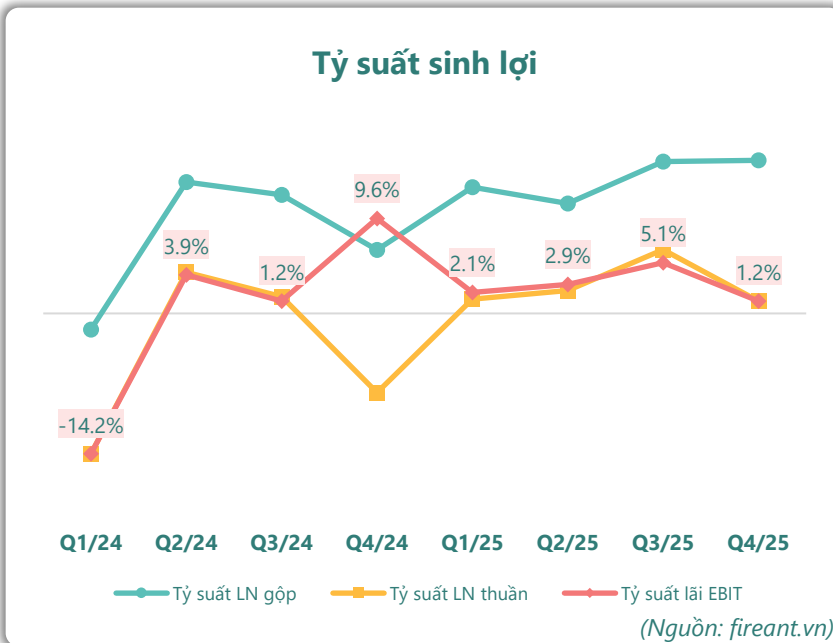
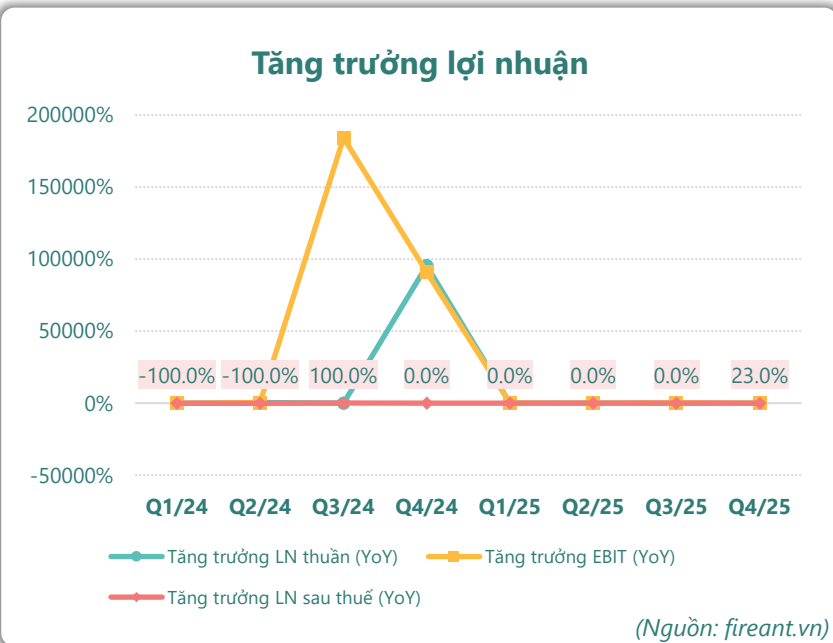
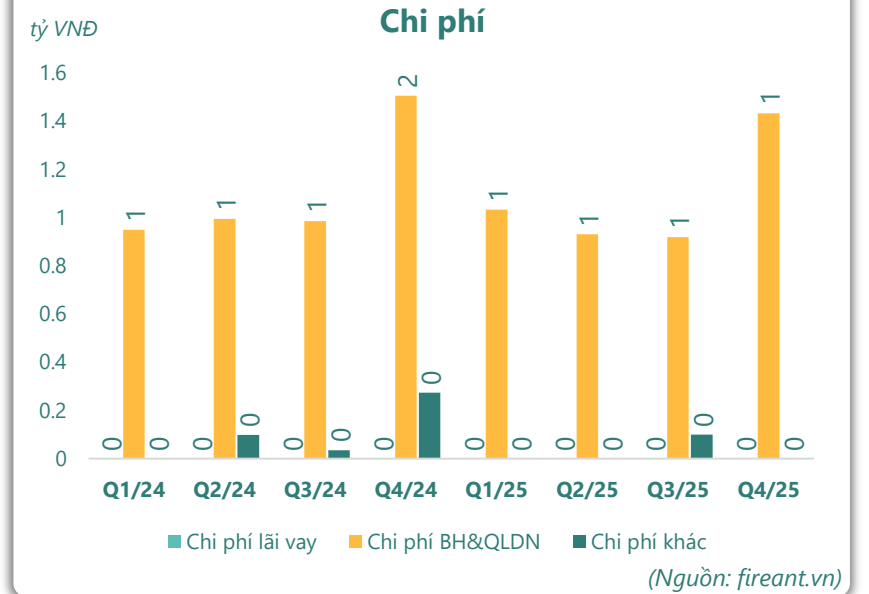
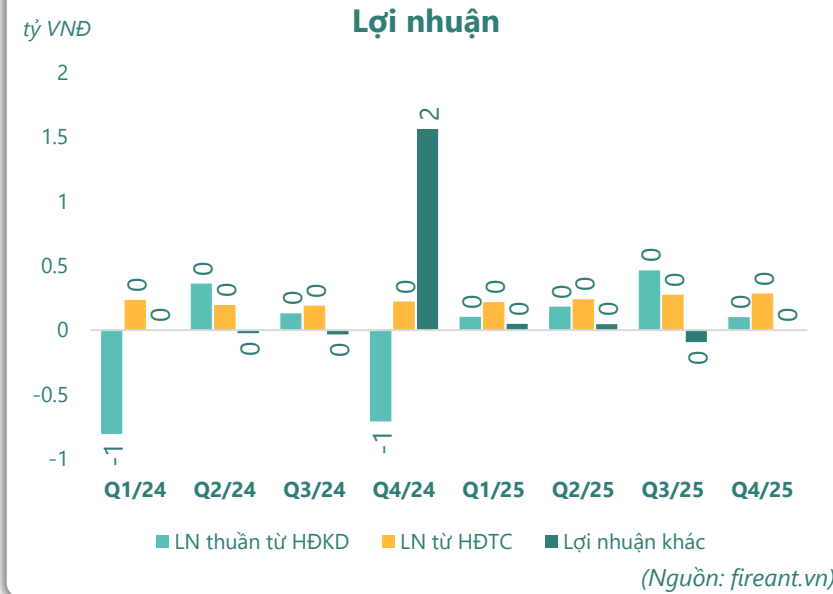
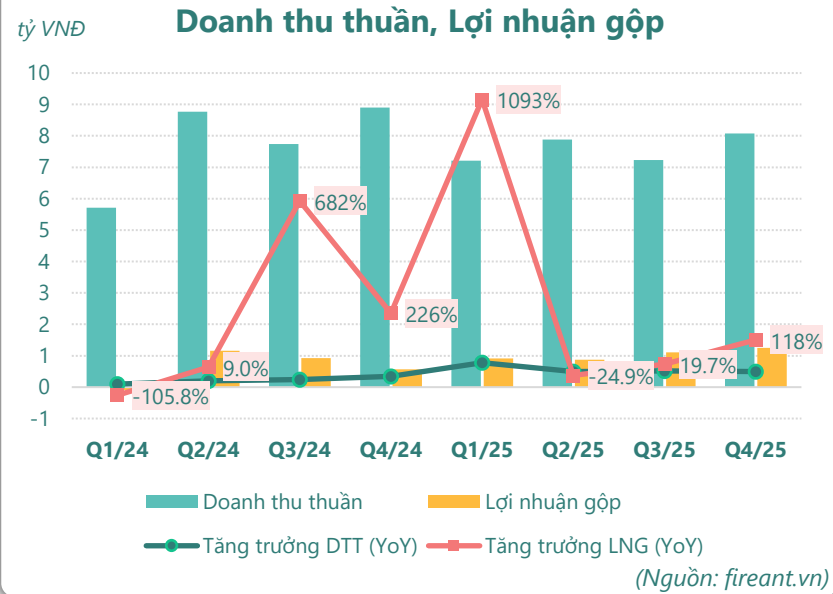
DT thuần 2025
30.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 0.70 -2.3%

LN thuần 2025
0.85
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.88 183%

LN sau thuế 2025
0.37
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.15 72.0%



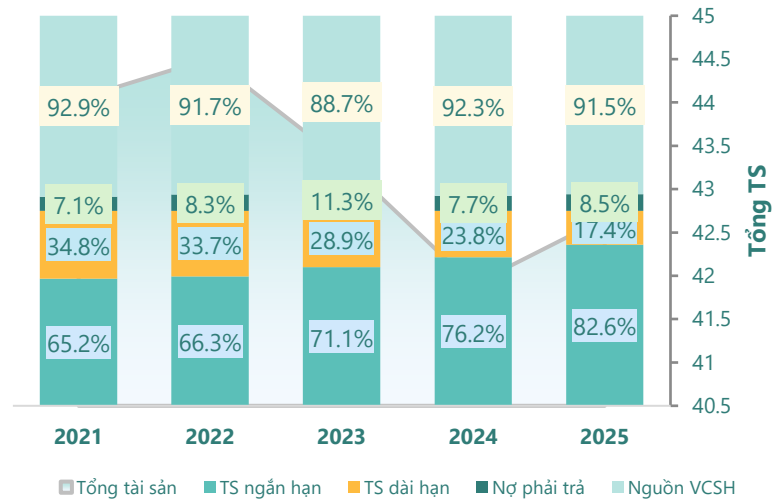
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

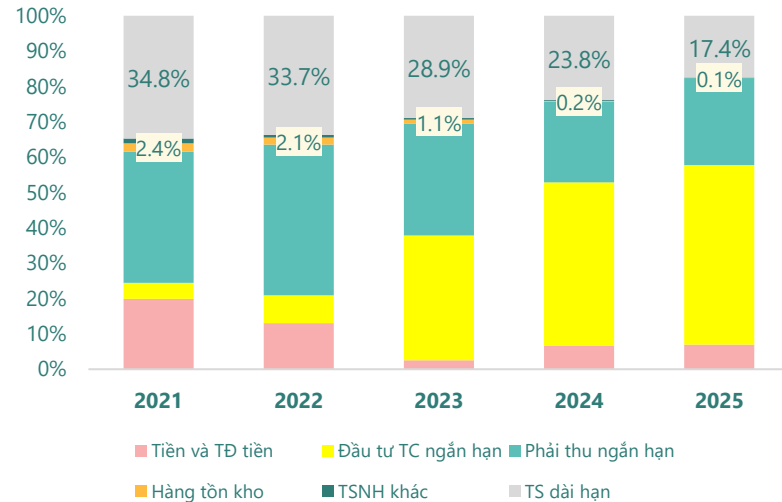
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

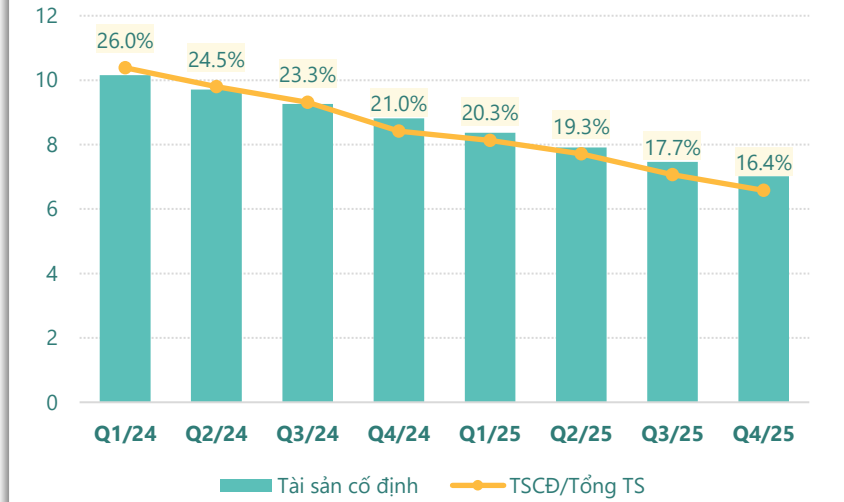
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

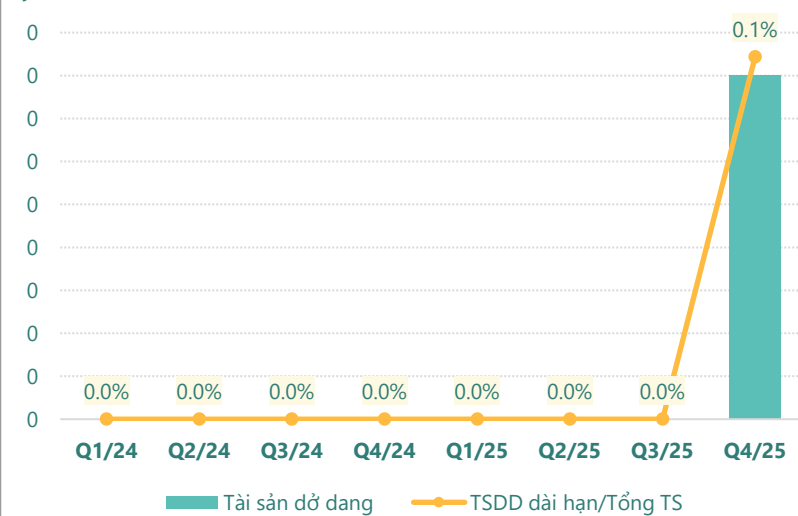
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

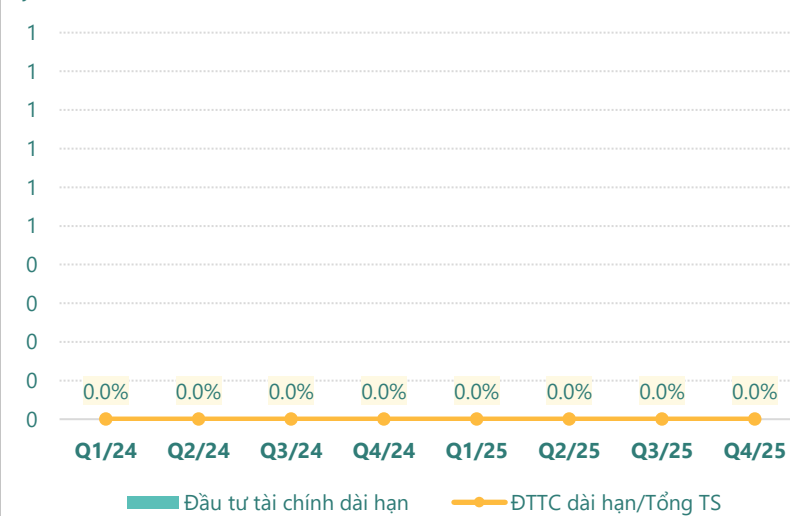
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

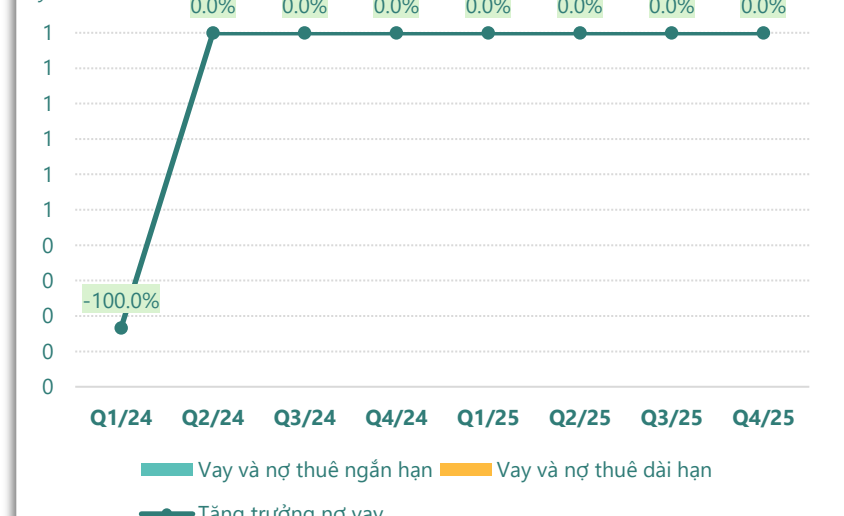
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

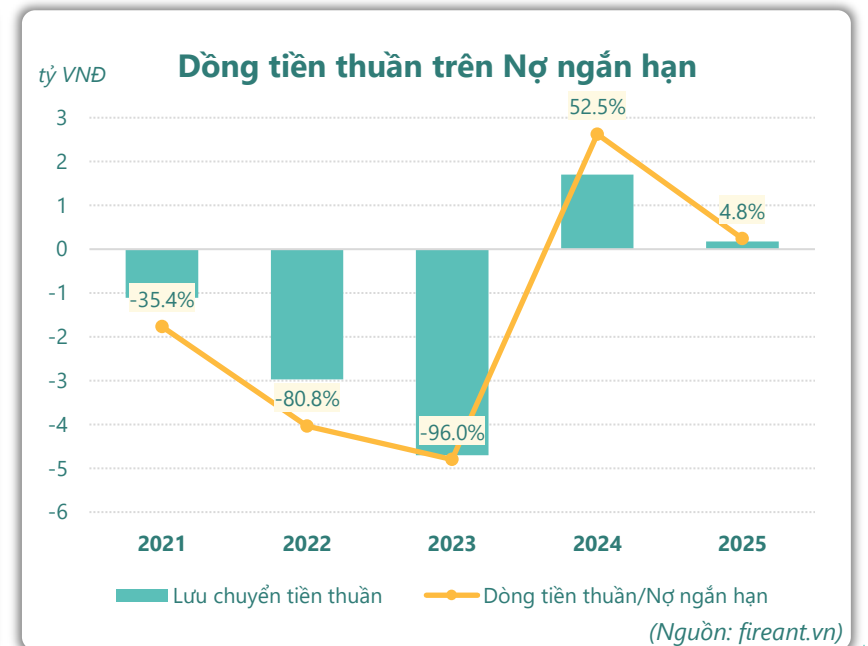
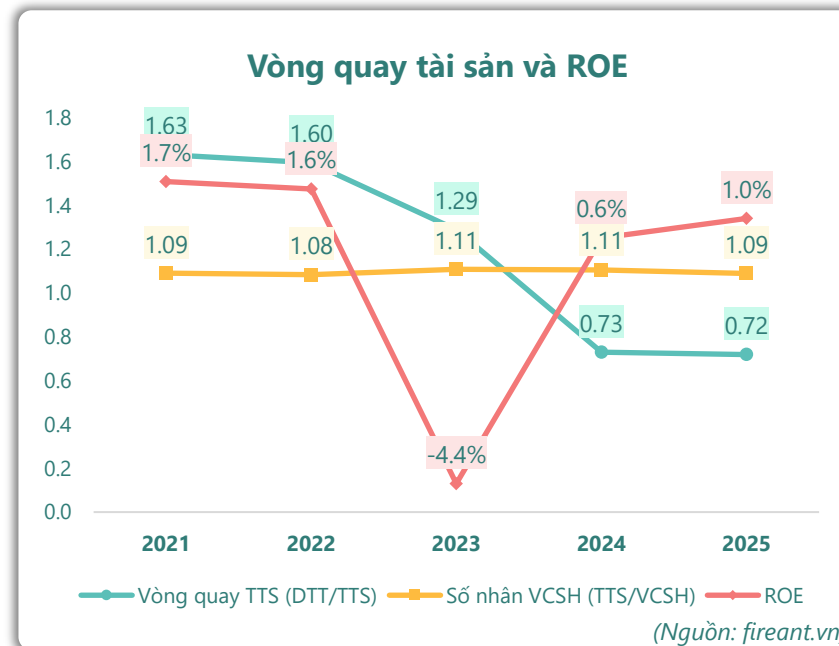
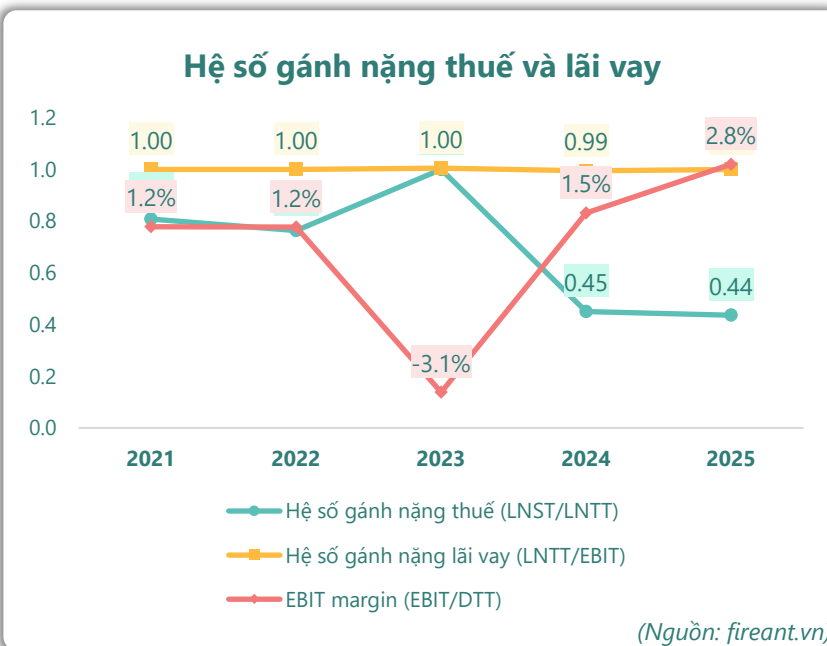
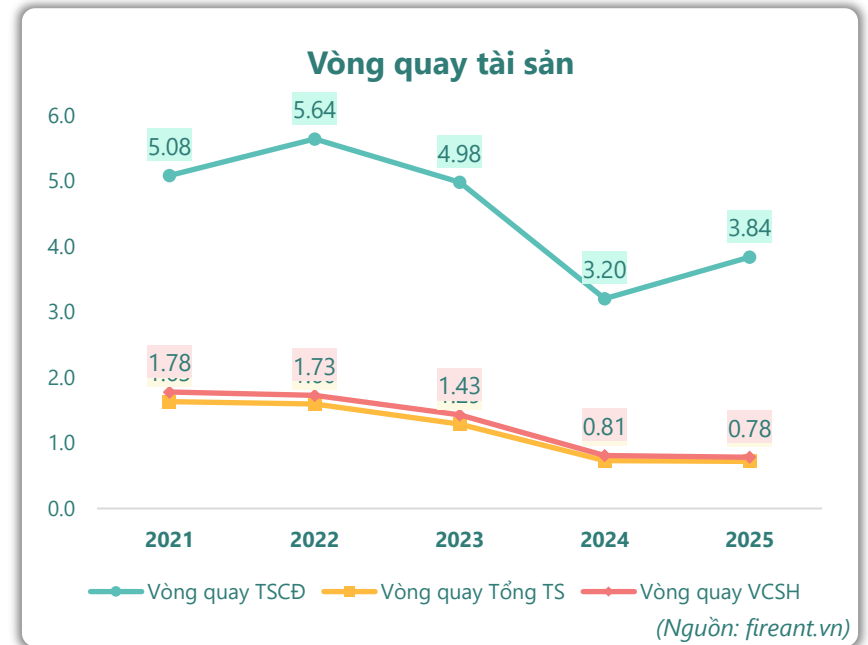
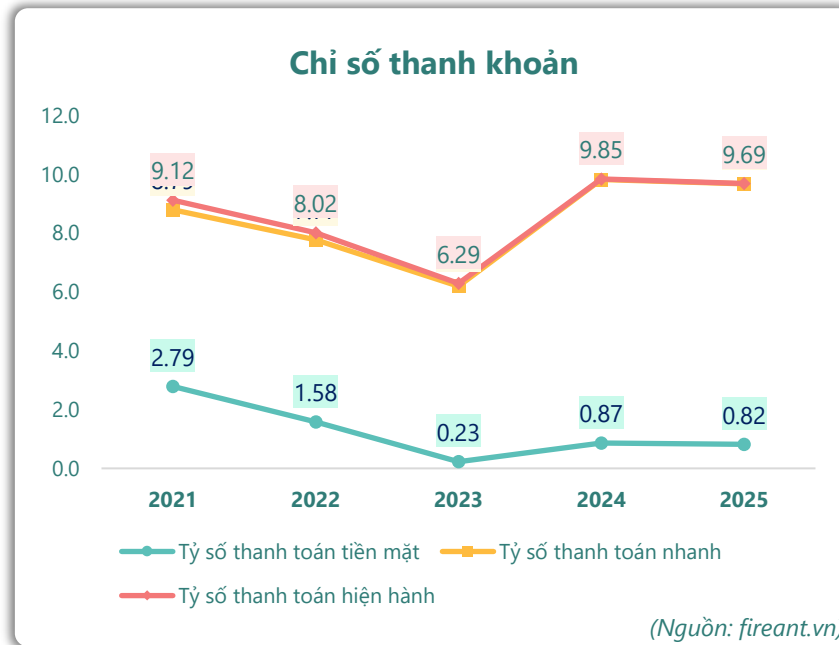
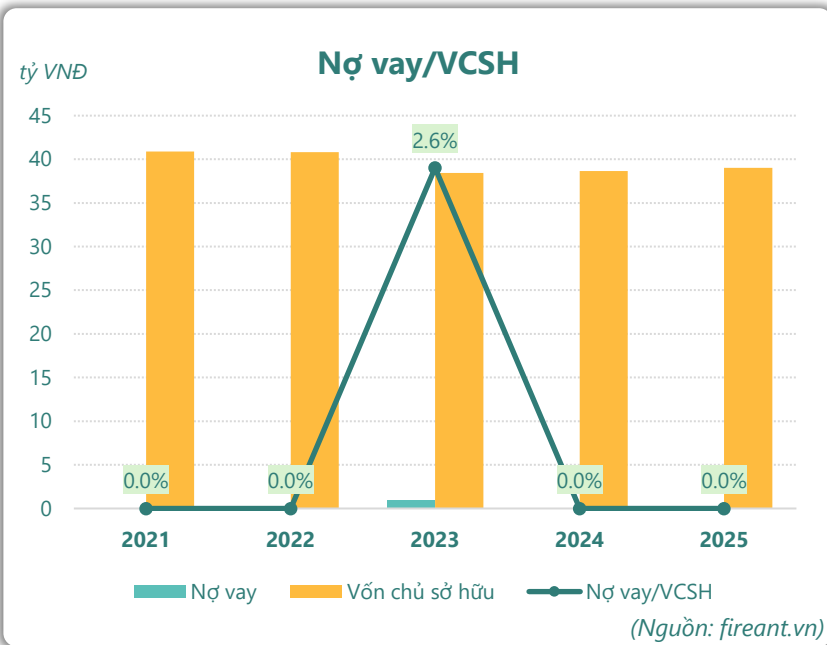
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	8.08	8.90	-9.2%	30.4	31.1	-2.3%
Giá vốn hàng bán	6.83	8.33	-18.0%	26.3	28.5	-7.9%
Lợi nhuận gộp	1.25	0.57	119%	4.14	2.61	58.7%
Doanh thu HĐTC	0.29	0.22	29.8%	1.02	0.85	20.7%
Chi phí TC	0	0.00		0.00	0.00	-79.5%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0.00	0.00	-79.5%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.02	0.26	-93.6%	0.26	0.96	-73.0%
Chi phí QLDN	1.42	1.24	14.2%	4.06	3.52	15.1%
LN thuần từ HĐKD	0.10	-0.71	114%	0.85	-1.03	183%
Lợi nhuận khác	0	1.56	-100%	0.00	1.51	-100%
LN trước thuế	0.10	0.85	-88.3%	0.85	0.48	77.8%
Lợi nhuận sau thuế	-0.20	0.61	-134%	0.37	0.22	72.0%
LNST của CĐ cty mẹ	-0.20	0.61	-134%	0.37	0.22	72.0%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.48	4.81	-2.07	0.82	3.58	0.61
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.24	-3.16	1.70	-2.33	-3.20	1.50
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1.00	0.10	-0.01	0.01	-0.29	-0.15
Tiền đầu kỳ	0.82	1.06	2.81	2.43	0.93	1.02
Lưu chuyển tiền thuần	0.24	1.75	-0.38	-1.50	0.09	1.96
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.06	2.81	2.43	0.93	1.02	2.98

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	42.7	41.9	1.8%
Tài sản ngắn hạn	35.2	31.9	10.4%
Tiền và tương đương tiền	2.98	2.81	6.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	21.7	19.3	12.0%
Phải thu ngắn hạn	10.5	9.57	9.4%
Hàng tồn kho	0.06	0.06	-11.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.05	0.13	-60.3%
Tài sản dài hạn	7.43	9.99	-25.6%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	7.02	8.81	-20.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.04	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.37	1.18	-68.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3.63	3.24	12.2%
Nợ ngắn hạn	3.63	3.24	12.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.99	0.77	28.9%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	39.0	38.7	1.0%
Vốn chủ sở hữu	39.0	38.7	1.0%
Vốn điều lệ	20.2	20.2	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

